

Phần 1: Đề Thi

Câu 1. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Các loại đất khác và núi đá.
- B. Đất feralit trên đá badan.
- C. Đất feralit trên các loại đá khác.
- D. Đất feralit trên đá vôi.

Câu 2. Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm

- A. vùng đất, hải đảo, vùng trời.
- B. vùng đất, vùng biển, vùng núi.
- C. vùng đất, vùng biển, vùng trời.
- D. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa.

Câu 3. Nhiệt độ trung bình năm nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có sự phân hóa theo không gian
- B. Phân hóa theo thời gian.
- C. Giảm dần từ Bắc vào Nam.
- D. Trên 20°C (trừ các vùng núi cao).

Câu 4. Loại đất chủ yếu của đai ôn đới gió mùa trên núi là

- A. mùn.
- B. feralit có mùn.
- C. feralit.
- D. mùn thô.

Câu 5. Nhận xét nào sau đây không đúng về đặc điểm tự nhiên của Nhật Bản?

- A. Địa hình chủ yếu là đồng bằng.
- B. Phía bắc có khí hậu ôn đới.
- C. Nghèo tài nguyên khoáng sản.
- D. Hay xảy ra thiên tai.

Câu 6. Điểm giống nhau giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. hướng nghiêng chung của địa hình là tây bắc - đông nam.
- B. ở vùng ven biển có nhiều cồn cát và đầm phá.
- C. địa hình núi cao chiếm ưu thế nên có đầy đủ hệ thống đai cao.
- D. chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa đông bắc nên có mùa đông lạnh.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?

- A. Hoàng Liên Sơn.
- B. Ngân Sơn.
- C. Con Voi.
- D. Bạch Mã.

Câu 8. Địa hình có sự bất đối xứng rõ nét ở hai sườn đông - tây là đặc điểm của vùng núi nào sau đây?

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Trường Sơn Nam.
- C. Đông Bắc.
- D. Tây Bắc.

Câu 9. Nhân tố nào sau đây gây ra nhiều trở ngại đối với các hoạt động du lịch, công nghiệp khai khoáng ở nước ta?

- A. Sự phân mùa của chế độ nước sông.
- B. Độ ẩm của không khí cao.
- C. Sự phân mùa khí hậu.
- D. Tính thất thường của chế độ nhiệt.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Lạng Sơn.
- B. Lào Cai.
- C. Nghệ An.
- D. Thanh Hóa.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết trong vùng núi Trường Sơn Nam đỉnh núi nào sau đây cao nhất?

- A. Kon Ka Kinh.
- B. Ngọc Linh.
- C. Chư Yang Sin.
- D. Nam Decbri.

Câu 12. Đặc trưng cơ bản về khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. mùa đông lạnh kéo dài 2-3 tháng.
- B. mùa mưa và mùa khô phân hóa sâu sắc.

- C. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.
- D. gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh.

Câu 13. Đặc điểm chung của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là

- A. hình thành và phát triển do phù sa sông bồi tụ.
- B. cả đồng bằng được phù sa bồi đắp hàng năm.
- C. có hệ thống đê sông, đê biển ngăn lũ lớn.
- D. diện tích đất phèn, đất ngập mặn rất lớn.

Câu 14. Rừng ngập mặn ven biển của nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng

- A. Nam Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Nam Bộ.
- D. Bắc Bộ.

Câu 15. Tín phong bán cầu Bắc hoạt động mạnh vào thời kì

- A. gió mùa đông hoạt động mạnh.
- B. gió mùa hạ hoạt động mạnh.
- C. giữa và cuối mùa hạ.
- D. chuyển tiếp giữa hai mùa gió.

Câu 16. Cảnh quan tiêu biểu của thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam là

- A. rừng cận nhiệt đới gió mùa.
- B. rừng nhiệt đới gió mùa.
- C. rừng cận xích đạo gió mùa.
- D. rừng xích đạo gió mùa.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 14, các cao nguyên xếp theo thứ tự từ bắc vào nam như sau

- A. Kon Tum, Đắk Lắk, Pleiku, Mơ Nông, Di Linh.
- B. Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Di Linh, Mơ Nông.
- C. Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Di Linh.
- D. Kon Tum, Pleiku, Mơ Nông, Đắk Lắk, Di Linh.

Câu 18. Thiên nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.
- B. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, mùa đông lạnh nhất nước ta.
- C. Khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.
- D. Có cấu trúc địa chất - địa hình khá phức tạp, bờ biển khúc khuỷu.

Câu 19. Thành phần dân cư của Hoa Kỳ chủ yếu có nguồn gốc từ

- A. Châu Phi.
- B. Châu Âu.
- C. Mỹ La Tinh.
- D. Châu Á.

Câu 20. Biển Đông làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương do

- A. biển kín, nhiệt độ cao và có hải lưu theo mùa.
- B. biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa.
- C. biển rộng và chế độ thủy triều phức tạp.
- D. nhiệt độ cao, chế độ thủy triều phức tạp và biển kín.

Câu 21. Sinh vật biển Đông tiêu biểu cho hệ sinh vật nào?

- A. Nhiệt đới.
- B. Xích đạo.
- C. Ôn đới.
- D. Cận nhiệt đới.

Câu 22. Hệ sinh thái ở độ cao từ 1600 - 1700m đến 2600m có đặc điểm là

- A. thực vật chủ yếu là đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam.
- B. chủ yếu là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- C. rừng kém phát triển, chủ yếu là rêu và địa y.
- D. rừng cận nhiệt lá rộng và lá kim phát triển.

Câu 23. Địa hình nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Thấp dần từ đông bắc xuống tây nam.
- B. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao.
- C. Hướng chính tây bắc - đông nam và bắc - nam.
- D. Địa hình tương đối thấp và bằng phẳng.

Câu 24. Vị trí địa lí của nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nằm trong vùng có nhiều thiên tai.
- B. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- C. Nằm trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc.
- D. Nằm trong khu vực gió mùa châu Á.

Câu 25. Đặc điểm nào sau đây không phải của sông ngòi nước ta?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. Sông ngòi giàu phù sa.
- C. Chủ yếu là sông lớn.
- D. Chế độ nước theo mùa.

Câu 26. Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc Bộ đến Trung bộ là do

- A. sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới.
- B. càng về phía nam càng gần xích đạo.
- C. sự suy yếu dần của gió phơn Tây Nam.
- D. sự mạnh lên của gió mùa Đông Bắc.

Câu 27. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về chế độ nhiệt và mưa của Đà Lạt và Nha Trang?

- A. Nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt cao hơn ở Nha Trang.
- B. Trong năm, Đà Lạt có một cực đại về nhiệt, Nha Trang có hai.
- C. Tổng lượng mưa trung bình năm của Đà Lạt lớn hơn Nha Trang.
- D. Mưa lớn nhất ở Đà Lạt và Nha Trang vào tháng X.

Câu 28. Để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở các đồng bằng của nước ta cần

- A. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.
- B. chống suy thoái và ô nhiễm đất.
- C. ngăn chặn nạn du canh, du cư.
- D. áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.

Câu 29. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

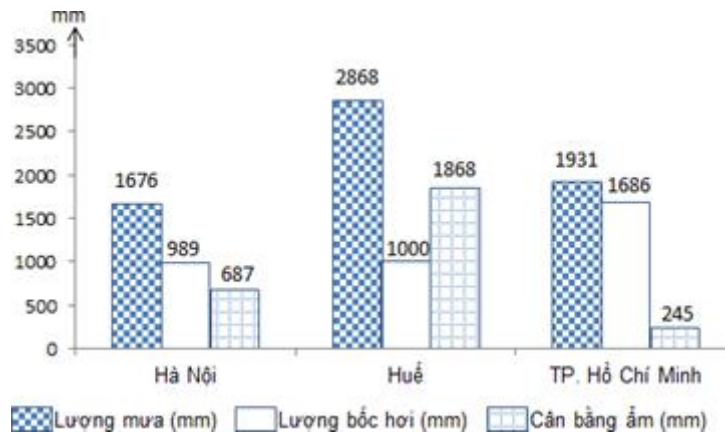
- A. Lượng mưa lớn và có sự phân hóa rõ rệt theo mùa.
- B. Địa hình cắt xẻ mạnh và có lượng mưa lớn.
- C. Lượng mưa lớn và nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.
- D. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.

Câu 30. Nguyên nhân chủ yếu làm cho đất ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc điểm nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông là do

- A. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.
- B. các sông miền Trung ngắn, nhỏ, ít phù sa sông.
- C. biển đóng vai trò chủ yếu trong quá trình hình thành.
- D. địa hình thấp, thủy triều thường xuyên lấn sâu.

Câu 31. Dựa vào biểu đồ sau:

LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM Ở MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM



Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Huế có lượng mưa nhiều nhất.
- B. TP. Hồ Chí Minh có lượng bốc hơi nhiều nhất.
- C. Hà Nội có cân bằng ẩm cao nhất.
- D. TP. Hồ Chí Minh có cân bằng ẩm nhỏ nhất.

Câu 32. Ở Trung bộ, nguyên nhân gây ngập lụt mạnh vào tháng IX - X là do

- A. mưa bão lớn, triều cường, lũ nguồn về.
- B. mưa nhiều và có đê lớn bao bọc.
- C. mưa lớn, mặt đất thấp và có đê bao bọc.
- D. các hệ thống sông lớn, lưu vực rộng.

Câu 33. Nguyên nhân gây mưa cho khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ nước ta vào đầu mùa hạ, do hoạt động của khối khí

- A. từ Bắc Ấn Độ Dương.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. từ Nam Ấn Độ Dương.
- D. Tín Phong bán cầu Bắc.

Câu 34. Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại của nước ta được thể hiện là

- A. đất trượt, đá lở ở sườn dốc.
- B. xói mòn, rửa trôi đất diễn ra mạnh.
- C. thành tạo địa hình caxtơ.
- D. bồi tụ diễn ra mạnh ở hạ lưu sông.

Câu 35. Cho bảng số liệu:

GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA HOA KÌ VÀ NHẬT BẢN, NĂM 2014
(Đơn vị: Tỷ USD)

Nước	Tổng số	GDP phân theo khu vực kinh tế		
		Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Hoa Kỳ	17393,1	838,9	3470,6	13083,6
Nhật Bản	4596,2	92,1	1224,1	3280,0

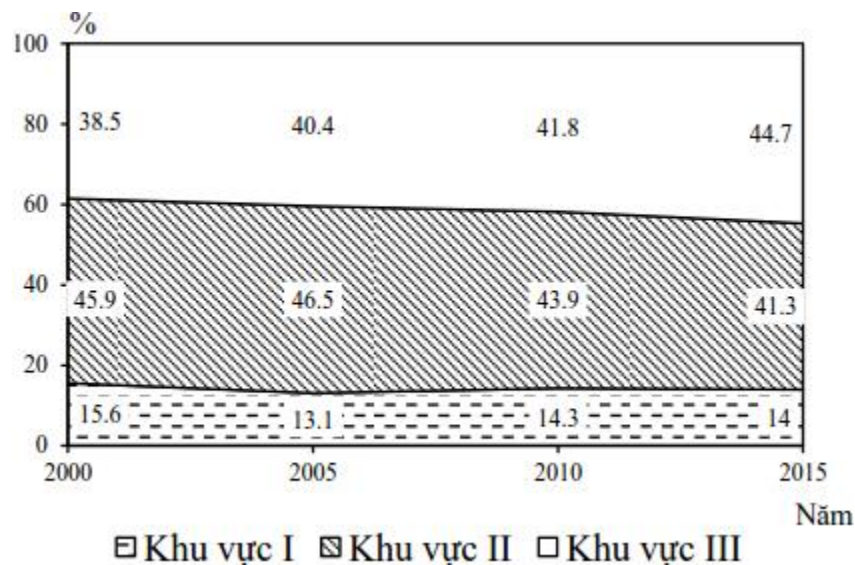
Nhận xét nào sau đây đúng về GDP của Hoa Kỳ và Nhật Bản năm 2014?

- A. Khu vực II của Hoa Kỳ và Nhật Bản đều chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- B. Quy mô GDP của Hoa Kỳ nhỏ hơn so với Nhật Bản.
- C. Khu vực III của Hoa Kỳ và Nhật Bản đều nhỏ hơn khu vực II.
- D. Quy mô GDP của Hoa Kỳ lớn gấp khoảng 3,8 lần Nhật Bản.

Câu 36. Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta do

- A. mật độ dân số cao nhất nước ta.
- B. lượng mưa lớn nhất nước.
- C. hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.
- D. địa hình thấp nhất so với các đồng bằng.

Câu 37. Cho biểu đồ về GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 - 2015:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 - 2015.
- B. Quy mô và cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 - 2015.

- C. Sự chuyển dịch cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000-2015.
- D. Quy mô GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 - 2015.

Câu 38. Ở nước ta, thiên nhiên miền núi phân hóa theo đông - tây chủ yếu do

- A. độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau.
- B. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.
- C. tác động ngày càng mạnh mẽ của con người.
- D. độ dốc của địa hình theo hướng tây - đông.

Câu 39. Cho số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1943 - 2017
(Đơn vị: Triệu ha)

Năm	Tổng diện tích rừng	Trong đó	
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng
1943	14,3	14,3	0
1983	7,2	6,8	0,4
2005	12,7	10,2	2,5
2017	14,4	10,2	4,2

(Nguồn: www.gso.gov.vn)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích rừng của nước ta, giai đoạn 1943 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Miền.
- C. Tròn.
- D. Đường.

Câu 40. Biện pháp nào sau đây là quan trọng hàng đầu để đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước?

- A. Chống ô nhiễm môi trường.
- B. Đóng cửa các vườn quốc gia.
- C. Quy định về việc khai thác.
- D. Ban hành sách đỏ Việt Nam

===== HẾT =====

Phần 2: Đáp án

Sau khi làm xong bài thi, các em so sánh kết quả bài làm với đáp án dưới đây:

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	C	11	B	21	A	31	C
2	C	12	A	22	C	32	A
3	C	13	A	23	B	33	A
4	D	14	C	24	B	34	C
5	A	15	D	25	C	35	D
6	A	16	C	26	A	36	C
7	B	17	C	27	C	37	C
8	B	18	B	28	B	38	B
9	C	19	B	29	C	39	A
10	C	20	B	30	C	40	C

Mong rằng đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Địa có đáp án mã đề 310 này sẽ là tư liệu tham khảo giúp rèn luyện và nâng cao kỹ năng giải đề thi, nâng cao kiến thức cho bản thân để tự tin hơn khi bước vào kì thi chính thức.

Chúc các em đạt điểm cao.

Tham khảo thêm các bộ đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Địa có đáp án khác tại <https://doctailieu.com/de-thi-thu-thpt/mon-dia-c12201>